

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MST: 0101809894

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2023

Báo cáo gồm có:

- Bảng cân đối kế toán
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213,566,807,889	223,181,290,449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	253,037,959	2,984,734,360
1. Tiền	111		253,037,959	2,984,734,360
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9,150,000,000	9,150,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	9,150,000,000	9,150,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115,042,492,837	128,646,554,520
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	89,192,587,348	100,760,722,807
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17,748,958,966	13,553,981,570
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7,518,000,000	13,843,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1,888,344,432	1,794,248,052
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1,305,397,909)	(1,305,397,909)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85,014,923,435	78,683,774,189
1. Hàng tồn kho	141	V.8	85,014,923,435	78,683,774,189
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,106,353,658	3,716,227,380
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	359,930,441	398,897,564
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.10	3,746,423,217	3,317,329,816
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28,089,496,264	28,866,562,618
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26,977,846,976	27,708,059,984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	26,977,846,976	27,708,059,984
<i>Nguyên giá</i>	222		39,389,695,087	39,389,695,087
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12,411,848,111)	(11,681,635,103)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		159,181,000	159,181,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(159,181,000)	(159,181,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,111,649,288	1,158,502,634
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,111,649,288	1,158,502,634
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241,656,304,153	252,047,853,067

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		118,311,692,074	130,899,389,701
I. Nợ ngắn hạn	310		107,042,441,110	119,630,138,737
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	25,998,785,206	20,514,098,329
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,570,320,200	1,365,800,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	968,528,649	1,823,812,883
4. Phải trả người lao động	314	V.16	1,340,410,159	2,030,767,542
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	-	141,624,295
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	540,313,899	607,014,094
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	75,217,831,374	91,718,769,971
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	267,363,054	267,363,054
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1,138,888,569	1,160,888,569
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11,269,250,964	11,269,250,964
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	10,292,000,000	10,292,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	977,250,964	977,250,964
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123,344,612,079	121,148,463,366
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	123,344,612,079	121,148,463,366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95,855,110,000	95,855,110,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95,855,110,000	95,855,110,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,656,853,462	3,656,853,462
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23,832,648,617	21,636,499,904
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21,636,499,904	2,025,862,301
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,196,148,713	19,610,637,603
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241,656,304,153	252,047,853,067


Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm nay		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	37,547,663,600	59,780,689,333	37,547,663,600	59,780,689,333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		32,848,410	33,920,402	32,848,410	33,920,402
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37,514,815,190	59,746,768,931	37,514,815,190	59,746,768,931
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31,572,002,090	52,903,185,676	31,572,002,090	52,903,185,676
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5,942,813,100	6,843,583,255	5,942,813,100	6,843,583,255
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	274,846,186	304,690,271	274,846,186	304,690,271
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,814,457,761	976,970,128	1,814,457,761	976,970,128
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,797,111,950	969,068,732	1,797,111,950	969,068,732
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	942,306,292	846,834,009	942,306,292	846,834,009
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2,304,300,232	2,494,926,474	2,304,300,232	2,494,926,474
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,156,595,001	2,829,542,915	1,156,595,001	2,829,542,915
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,595,122,428	1,015,732,770	1,595,122,428	1,015,732,770
12. Chi phí khác	32	VI.8	325,046	12,496,001	325,046	12,496,001
13. Lợi nhuận khác	40		1,594,797,382	1,003,236,769	1,594,797,382	1,003,236,769
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,751,392,383	3,832,779,684	2,751,392,383	3,832,779,684
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		555,243,670	766,555,936	555,243,670	766,555,936
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,196,148,713	3,066,223,748	2,196,148,713	3,066,223,748

Người lập biểu

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2023

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I/2023 của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý I Năm 2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		47 989 531 797	44 429 472 760
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(29 357 160 522)	(37 538 744 309)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4 175 279 333)	(3 998 352 540)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1 797 111 950)	(651 255 992)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1 420 000 000)	(2 204 277 817)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		252 079 771	540 867 386
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4 048 635 293)	(5 664 904 522)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7 443 424 470	(5 087 195 034)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6 325 000 000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		817 726	579 678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6 325 817 726	579 678
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của do	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		27 925 902 525	30 679 460 981
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(44 426 841 122)	(24 467 690 769)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16 500 938 597)	6 211 770 212
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50		(2 731 696 401)	1 125 154 856
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2 984 734 360	2 193 747 540
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70		253 037 959	3 318 902 396

Người lập

Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng

Nguyễn Bá Thị Hợp

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2023

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Quý I//2023)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các thiết bị năng lượng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 113 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 113 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc vào ngày 31/12/2022

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là “Chương trình phần mềm máy tính”. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

13. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	60,764,749	56,813,908
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	192,273,210	2,927,920,452
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	<u>253,037,959</u>	<u>2,984,734,360</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá gốc</u>
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	<u>9,150,000,000</u>	<u>9,150,000,000</u>
Tiền gửi có kỳ hạn		
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác	9,150,000,000	9,150,000,000
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn		
Trái phiếu		
Các khoản đầu tư khác		
Cộng	<u>9,150,000,000</u>	<u>9,150,000,000</u>

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>82,268,753,004</u>	<u>93,825,106,007</u>
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)	233 786 112	19 360 188
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	898 292 924	1 747 226 020
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	60 372 166 348	68 382 192 925
Công ty TNHH Một thành viên Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai	44 392 834	
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	366 459 303	982 105 233
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	17 918 055 475	18 170 534 626
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	655 551 380	333 118 052
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	1 780 048 628	4 190 568 963
...		
Phải thu các khách hàng khác	<u>6,923,834,344</u>	<u>6,935,616,800</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ	1 726 955 702	1,678,429,674
Công ty TNHH Xe máy Xe điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng	3 964 418 125	3,091,568,125
Các khách hàng khác	6,923,834,344	2,165,619,001
Cộng	<u>89,192,587,348</u>	<u>100,760,722,807</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	17,748,958,966	13,553,981,570
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	2,935,110,006	2,470,854,706
Nanning Gaoli Industrial and Trading Co., Ltd	-	2,673,892,255
Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd	1,464,510,338	1,477,490,734
Aima Sport (Tianjin) Co., Ltd	5,542,469,357	2,877,713,012
Chongqing Charming Motorcycle Manufacture Co., LTD	2,872,819,517	2,827,528,380
HAINING FU JIANG IMP&EXP CO.,LTD	673,553,443	
TIANJIN AIMA MANUFACTURING & TECHNOLOGY	833,388,060	-
Công ty cao su Kenda (Việt Nam)	515,160,000	848,880,000
Các nhà cung cấp khác	2,911,948,245	377,622,483
	-	-
Cộng	17,748,958,966	13,553,981,570

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	775,000,000	5,000,000,000
Cho Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh vay với lãi suất 7%/năm	775,000,000	5,000,000,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6,743,000,000	8,843,000,000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ	1,968,000,000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,795,000,000	
Ông Đinh Đức Tuấn	2,980,000,000	8,843,000,000
Cộng	7,518,000,000	13,843,000,000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	66,390,230		52,390,230	
	66,390,230		52,390,230	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1,821,954,202	-1,305,397,909	1,741,857,822	-1,305,397,909
Tạm ứng	621,279,155		493,798,055	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,180,675,047	-1,305,397,909	1,248,059,767	-1,305,397,909
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000	-536,000,000	536,000,000	-536,000,000
Cá nhân khác	108,675,047	-233,397,909	176,059,767	-233,397,909
Cộng	1,888,344,432	-1,305,397,909	1,794,248,052	-1,305,397,909

7. Phải thu dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
...				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>				
...				
Các khoản phải thu dài hạn khác				
Cộng				

8. Nợ xấu

	Số cuối năm/kỳ		Số cuối năm/kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,305,397,909	-	1,305,397,909	-
Ông Hoàng Trọng Thủy	171,397,909		171,397,909	
Ông Kiều Thanh Phong	536,000,000		536,000,000	
Ông Nguyễn Văn Thảo	536,000,000		536,000,000	
Các đối tác doanh nghiệp	62,000,000		62,000,000	
Cộng	1,305,397,909	-	1,305,397,909	-

9. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Tiền		
Hàng tồn kho		
Tài sản cố định		
Tài sản khác		
Cộng	-	-

10. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1,108,611,532		2,141,196,634	
Nguyên liệu, vật liệu	46,674,556,968		45,327,045,287	
Công cụ, dụng cụ	575,995,069		562,932,659	
Bao bì luân chuyển	37,599,472			
Chi phí sản xuất, kinh doanh	926,094,544		559,889,168	
Thành phẩm	26,144,446,422		20,874,190,296	
Hàng hóa	9,547,619,428		9,218,520,145	
Hàng gửi đi bán				
Hàng hóa kho bảo thuế				
Cộng	85,014,923,435	-	78,683,774,189	-

11. Chi phí trả trước**11a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	81,804,835	70,965,586
Công cụ dụng cụ	49,300,622	91,172,342
Chi phí quảng cáo		
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Chi phí sửa chữa	10,869,351	102,240,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	217,955,633	134,519,636
Cộng	<u>359,930,441</u>	<u>398,897,564</u>

11b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	617,319,084	692,305,731
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng		
Sửa chữa cải tạo máy móc, thiết bị văn	458,725,365	342,782,795
Chi phí quảng cáo	35,604,839	
Chi phí trả trước dài hạn khác		123,414,108
Cộng	<u>1,111,649,288</u>	<u>1,158,502,634</u>

12. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Nhượng quyền vận tải, truyền thông</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	1,100,281,195	36,093,063,591	1,996,080,471	200,269,830	39,389,695,087
Mua trong năm/kỳ					
Đầu tư XDCB hoàn thành					
Tặng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số cuối năm/kỳ	<u>1,100,281,195</u>	<u>36,093,063,591</u>	<u>1,996,080,471</u>	<u>200,269,830</u>	<u>39,389,695,087</u>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-23,661,961	-10,699,742,070	-837,210,296	-121,020,776	-11,681,635,103
Khấu hao trong năm/kỳ	-27,507,030	-607,388,955	-81,127,869	-14,189,154	-730,213,008
Tặng khác					
Chuyển sang bất động sản đầu tư					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số cuối năm/kỳ	<u>-51,168,991</u>	<u>-11,307,131,025</u>	<u>-918,338,165</u>	<u>-135,209,930</u>	<u>-12,411,848,111</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,123,943,156	25,393,321,521	1,158,870,175	79,249,054	27,708,059,984
Số cuối năm/kỳ	<u>1,151,450,186</u>	<u>24,785,932,566</u>	<u>1,077,742,306</u>	<u>65,059,900</u>	<u>26,977,846,976</u>

13. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	102,285,000	56,896,000	159,181,000
Mua trong năm/kỳ			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm/kỳ	102,285,000	56,896,000	159,181,000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		56,986,000	
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-102,285,000	-56,896,000	-159,181,000
Khấu hao trong năm/kỳ			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối năm/kỳ	-102,285,000	-56,896,000	-159,181,000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm			
Số cuối năm/kỳ			

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm/kỳ	vào TSCĐ trong năm/kỳ	Kết chuyển giảm khác
Mua sắm tài sản cố định				
Xây dựng cơ bản dở dang				
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
Cộng				

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	13,364,981,410	1,878,223,250
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	1,342,232,308	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	2,404,006,166	1,878,223,250
Công ty TNHH Đầu tư Phát Triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà (SHD)		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	9,618,742,936	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công ty TNHH Một Thành Viên Logistics Sơn Hà		
Phải trả các nhà cung cấp khác	12,633,803,796	18,635,875,079
Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	2,039,459,118	2,337,802,557
Chi nhánh Công ty TNHH BOSCH Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	491,224,800	2,075,958,720
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Tập	5,596,313,751	5,596,313,751
Các nhà cung cấp khác	12,633,803,796	8,625,800,051
Cộng	25,998,785,206	20,514,098,329

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

25a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1,570,320,200	1,365,800,000
Nguyễn Văn Quyết	654,120,000	654,120,000
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Thủy Lợi Hà Tây	300,000,000	300,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế HTK	249,500,000	249,500,000
	-	-
Các khách hàng khác	366,700,200	162,180,000
Cộng	1,570,320,200	1,365,800,000

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm/kỳ	Số phát sinh trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nộ						
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			1,518,520,606	1,518,520,606		
Thuế tiêu thụ đặc biệt						
Thuế xuất, nhập khẩu			812,125,273	812,125,273		
Thuế thu nhập doanh ngh	1,756,458,706		555,243,670	1,420,000,000	891,702,376	
Thuế thu nhập cá nhân	67,354,177		147,876,618	138,404,522	76,826,273	
Thuế tài nguyên						
Thuế nhà đất						
Tiền thuê đất						
Thuế bảo vệ môi trường			250,000	250,000		
Các loại thuế khác			4,000,000	4,000,000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			324,200	324,200		
Cộng	1,823,812,883		3,038,340,367	3,893,624,601	968,528,649	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định của NĐ 15 /2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,751,392,383	3,832,779,684
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24,825,971	63,940,201
- Các khoản điều chỉnh giảm	24,825,971	63,940,201
Thu nhập chịu thuế	2,776,218,354	3,896,719,885
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	2,776,218,354	3,896,719,885
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất	555,243,670	779,343,978
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	555,243,670	779,343,978
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	555,243,670	779,343,978

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1,340,410,159	2,030,767,542
Tiền thưởng phải trả		
...		
Cộng	1,340,410,159	2,030,767,542

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	141,624,295
Cộng	-	141,624,295

20. Phải trả ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
...		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	540,313,899	607,014,094
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Kinh phí công đoàn	190,671,600	200,886,300
Bảo hiểm xã hội	201,233,075	-
Bảo hiểm y tế	-	
Bảo hiểm thất nghiệp	-	
Phải trả về cổ phần hóa	-	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	5,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
Tiền, vật tư, hàng hóa tạm mượn	-	
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	
...		
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	143,409,224	401,127,794
Cộng	<u>540,313,899</u>	<u>607,014,094</u>

21. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Các khoản phải trả dài hạn khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

22. Vay và nợ thuê tài chính**15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	73,288,831,374	73,288,831,374	89,146,769,971	89,146,769,971
Vay ngắn hạn ngân hàng BIDV Thanh Xuân	35,008,752,448	35,008,752,448	49,988,451,419	49,988,451,419
Vay ngắn hạn Vietcombank CN SGD	38,280,078,926	38,280,078,926	39,158,318,552	39,158,318,552
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V. 33b)</i>	1,929,000,000	1,929,000,000	2,572,000,000	2,572,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả BIDV Thanh Xuân	819,000,000	819,000,000	1,092,000,000	1,092,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả Vietinbank Nghệ An	1,110,000,000	1,110,000,000	1,480,000,000	1,480,000,000
Cộng	<u>75,217,831,374</u>	<u>75,217,831,374</u>	<u>91,718,769,971</u>	<u>91,718,769,971</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và</i>	10,292,000,000	10,292,000,000	10,292,000,000	10,292,000,000
Vay dài hạn ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân	4,387,000,000	4,387,000,000	4,387,000,000	4,387,000,000
Vay dài hạn ngân hàng Vietinbank Nghệ An	5,905,000,000	5,905,000,000	5,905,000,000	5,905,000,000
Cộng	10,292,000,000	10,292,000,000	10,292,000,000	10,292,000,000

Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	267,363,054	267,363,054
Dự phòng trợ cấp thôi việc		
...		
Cộng	267,363,054	267,363,054

24. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm/kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	930,032,464	930,032,464
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-
Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp ⁽ⁱ⁾		-
Dự phòng cho hợp đồng có rủi ro lớn ⁽ⁱⁱ⁾		-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47,218,500	47,218,500
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ		-
...		-
Cộng	977,250,964	977,250,964

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

35. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
Quỹ khen thưởng	1,160,888,569		(22,000,000)	1,138,888,569
Quỹ phúc lợi				
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định				-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành				-
Cộng	1,160,888,569	-	(22,000,000)	1,138,888,569

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

26. Vốn chủ sở hữu

26a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng bảo hành + khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	79,879,480,000	1,244,614,018	3,350,096,346	1,046,878,719	18,629,627,975	101,859,204,321
Chi trả cổ tức bằng tiền						
Thủ lao BKS, HĐQT					-168,000,000	-168,000,000
Trích lập các quỹ			306,757,116	153,378,558	-460,135,674	-153,378,558
Chi từ quỹ khen thưởng				-39,368,708		
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	15,975,630,000				-15,975,630,000	
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền						
Lợi nhuận trong kỳ					19,610,637,603	19,610,637,603
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi						
...						
Số dư cuối năm trước	<u>95,855,110,000</u>	<u>1,244,614,018</u>	<u>3,656,853,462</u>	<u>1,160,888,569</u>	<u>21,636,499,904</u>	<u>121,148,463,366</u>
Số dư đầu năm nay	95,855,110,000	1,244,614,018	3,656,853,462	1,160,888,569	21,636,499,904	121,148,463,366
Thủ lao BKS, HĐQT						
Trích lập các quỹ						
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức						
Lợi nhuận trong kỳ					2,196,148,713	2,196,148,713
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập						
Chi từ quỹ khen thưởng				-22,000,000		
Số dư cuối năm nay/kỳ này	<u>95,855,110,000</u>	<u>1,244,614,018</u>	<u>3,656,853,462</u>	<u>1,138,888,569</u>	<u>23,832,648,617</u>	<u>123,344,612,079</u>

26b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm/kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Quốc Tế Sơn Hà	48,288,240,000	48,288,240,000
Hoàng Mạnh Tân	10,914,000,000	10,914,000,000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	9,360,000,000	9,360,000,000
Khác	27,292,870,000	27,292,870,000
Cộng	95,855,110,000	95,855,110,000

26c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9 585 511	9 585 511
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9 585 511	9 585 511
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9 585 511	9 585 511

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26d. Phân phối lợi nhuận

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	9,275,880,450	20,360,779,756
Doanh thu bán thành phẩm	28,243,997,900	39,324,891,601
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27,785,250	64,795,754
Doanh thu khác		30,222,222
Cộng	<u>37,547,663,600</u>	<u>59,780,689,333</u>

1b. Chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng hóa (5111)	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
51111		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn	41,366,200	526,584
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	8,663,384,636	11,556,921,054
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	47,189,711	228,765,798
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà	30,399,000	581,126
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	8,891,900	
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	36,415,800	784,474
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền	8,092,400	352,904,941
khách hàng khác	440,140,803	8,220,295,779
Tổng cộng	<u>9,275,880,450</u>	<u>20,360,779,756</u>

Doanh thu bán thành phẩm (5112)	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
51121		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn	171,166,629	
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	17,520,220,625	23,728,241,670
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An	2,127,781,200	2,028,738,600
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà		
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	391,130,000	3,050,010,000
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ	3,087,453,500	5,146,509,300
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền	1,626,309,000	1,923,306,000
khách hàng khác	3,319,936,946	3,448,086,031
Tổng cộng	<u>28,243,997,900</u>	<u>39,324,891,601</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Doanh thu bán dịch vụ (5113)		
51131		
Công ty CP Kinh doanh và Phát Triển Dự án Sơn		
Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà		24,788,334
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Công ty TNHH một thành viên Sơn Hà Nghệ An		
Công ty TNHH MTV thiết bị gia dụng Sơn Hà	27,710,250	34,362,620
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển		
Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc		30,222,222
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Công Ty Cổ Phần Tổng Công Ty Toàn Mỹ		644,800
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền	75,000	
khách hàng khác		5,000,000
Tổng cộng	27,785,250	95,017,976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	12,272,727	
Hàng bán bị trả lại	20,575,683	33,920,402
Giảm giá hàng bán		
Cộng	32,848,410	33,920,402
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6,320,758,487	14,078,195,007
Giá vốn của thành phẩm đã bán	25,086,269,713	38,741,328,684
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	164,973,890	83,661,985
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán khác		
Cộng	31,572,002,090	52,903,185,676
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	817,726	492,030
Lãi từ hoạt động cho vay	236,935,068	298,803,177
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	37,093,392	5,395,064
Khác		
Cộng	274,846,186	304,690,271
5. Chi phí tài chính		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1,797,111,950	969,068,732
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11,370,066	7,901,396
Chi phí tài chính khác	5,975,745	
Cộng	1,814,457,761	976,970,128

6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	446,130,754	271,606,013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53,035,983	26,193,850
Chi phí bảo hành	112,978,227	334,239,088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303,677,999	130,991,754
Các chi phí khác	26,483,329	83803304
Cộng	942,306,292	846,834,009

7. Chi phí quản lý

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1,297,778,240	1,251,663,538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77,426,396	119,960,206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	861,687,463	1,053,838,318
Thuế, phí và lệ phí		
+ Chi phí đồ dùng văn phòng		
Chi phí dự phòng		
Các chi phí khác	67 408 133	69,464,412
Cộng	2,304,300,232	2,494,926,474

8. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	1,595,122,428	1,015,732,770
Thu nhập khác		
Cộng	1,595,122,428	1,015,732,770

9. Chi phí khác

	<u>Kỳ này/Năm nay</u>	<u>Kỳ/Năm trước</u>
Chi phí khác	325,046	12,496,001
Cộng	325,046	12,496,001

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số kỳ trước</u>
thông đang lưu hành trong năm		
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chia cổ tức		
Bảo hiểm xã hội nộp hộ		

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ (SHI)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của SHI
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của SHI

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I/2023

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Người lập biểu



Nguyễn Bá Thị Hợp

Kế toán trưởng



Nguyễn Bá Thị Hợp

Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân